

Bản án số: 59/2023/HS-PT
Ngày 13 tháng 02 năm 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Công

Các thẩm phán: Ông Đỗ Đình Thanh

Ông Vương Minh Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Vi Dũng – Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 13 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 604/2022/TLPT-HS ngày 26 tháng 8 năm 2022 đối với bị cáo Phạm Ngọc T và các bị cáo khác do các bị cáo kháng cáo Bản án hình sự sơ thẩm số 37/2022/HS-ST ngày 23/5/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Bị cáo có kháng cáo:

1. Phạm Ngọc T, sinh ngày 25/3/1966 tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; Nơi đăng ký thường trú: Ấp An Trung, xã An Nhứt, thị trấn Long Điền, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; Nghề nghiệp: Giáo viên – Cựu Giám đốc Trung tâm Giáo dục thường xuyên huyện Long Điền; Trình độ văn hóa (học vấn): Lớp 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Văn Bán (chết) và bà Nguyễn Thị Đỗ; Có vợ tên là Lê Đặng Thị Tuyết Ngọc, có 03 con; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa từng bị kết án; Bị bắt tạm giam từ 01/11/2019 đến ngày 01/02/2021 thay đổi biện pháp ngăn chặn, cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2. Lê Thanh H, sinh ngày 11/01/1969 tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; Nơi đăng ký thường trú: 81X, Khu phố Long Phước, thị trấn Long Điền, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; Nghề nghiệp: Giáo viên – Cựu Phó Giám đốc Trung tâm Giáo dục thường xuyên huyện Long Điền; Trình độ văn hóa (học

vấn): Lớp 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn Tươi (chết) và bà Nguyễn Thị Vân; Có vợ tên là Nguyễn Thị Liễu, chưa có con; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa từng bị kết án; Bị bắt tạm giam từ 01/11/2019 đến ngày 01/02/2021 thay đổi biện pháp ngăn chặn, cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay, có mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn Đình K, sinh ngày 20/6/1962 tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; Nơi đăng ký thường trú: 178W, Khu phố Long Phước, thị trấn Long Điền, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; Nghề nghiệp: Viên chức; Trình độ văn hóa (học vấn): Lớp 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Hứa (chết) và bà Hà Thị Khiển (chết); Có vợ tên là Bùi Thị Vân, có 02 con; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa từng bị kết án; Bị bắt tạm giam từ 01/11/2019 đến ngày 24/6/2020 thay đổi biện pháp ngăn chặn, cho bảo lãnh tại ngoại đến nay, có mặt tại phiên tòa.

4. Nguyễn Huỳnh Q, sinh ngày 07/7/1983 tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; Nơi đăng ký thường trú: 23 Ô1/2, ấp Hội Mỹ, xã Phước Hội, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; Nghề nghiệp: Giáo viên môn tin học Trung tâm Giáo dục thường xuyên huyện Long Điền; Trình độ văn hóa (học vấn): Lớp 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn Đôn và bà Huỳnh Thị Đại; Có vợ tên là Đặng Thị Thảo Thương, có 02 con; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa từng bị kết án; Bị bắt tạm giam từ 01/11/2019 đến ngày 24/6/2020 thay đổi biện pháp ngăn chặn, cho bảo lãnh tại ngoại đến nay, có mặt tại phiên tòa.

5. Ngô Minh K¹, sinh ngày 02/11/1987 tại tỉnh Đồng Nai; Nơi đăng ký thường trú: Ấp Phước Lăng, xã Tam Phước, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; Nghề nghiệp: Giáo viên môn địa lý Trung tâm Giáo dục thường xuyên huyện Long Điền; Trình độ văn hóa (học vấn): Lớp 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Ngô Đình Tuyên và bà Nguyễn Thị Thúy; Có vợ tên là Nguyễn Thị Bích Vân, có 02 con; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa từng bị kết án; Bị bắt tạm giam từ 01/11/2019 đến ngày 24/6/2020 thay đổi biện pháp ngăn chặn, cho bảo lãnh tại ngoại đến nay, có mặt tại phiên tòa.

6. Nguyễn Hồng T¹, sinh ngày 09/3/1987 tại tỉnh Nghệ An; Nơi đăng ký thường trú: Tổ 2, Khu phố 1, phường Long Tâm, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; Nghề nghiệp: Giáo viên môn vật lý Trung tâm Giáo dục thường xuyên huyện Long Điền; Trình độ văn hóa (học vấn): Lớp 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Trọng Lợi (chết) và bà Phạm Thị Vinh; Có vợ tên là Nguyễn Thị Anh Đào, có 01 con; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa từng bị kết án; Bị bắt tạm giam từ

01/11/2019 đến ngày 24/6/2020 thay đổi biện pháp ngăn chặn, cho bảo lãnh tại ngoại đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa chỉ định cho các bị cáo:

- Luật sư Nguyễn Thanh Bảo Duy, Công ty Luật TNHH MTV D&K thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa cho bị cáo Phạm Ngọc T và bị cáo Nguyễn Huỳnh Q (Có mặt);

- Luật sư Hồ Quang Tân Phong, Văn phòng luật sư Tân Phong thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa cho bị cáo Nguyễn Đình K và bị cáo Lê Thanh H (Có mặt);

- Luật sư Đoàn Trọng Nghĩa, Văn phòng luật sư Đoàn Trọng Nghĩa thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa cho bị cáo Ngô Minh K¹ và bị cáo Nguyễn Hồng T¹ (Có mặt);

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Đình K: Luật sư Trần Kim Hoàng, Cộng tác viên Trung tâm tư vấn pháp luật cộng đồng và trợ giúp pháp lý cho người chưa thành niên phía Nam (Vắng mặt);

Ngoài ra còn có 03 tổ chức và 15 cá nhân là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trung tâm Giáo dục thường xuyên huyện Long Điền (sau đây viết tắt là Trung tâm) là đơn vị sự nghiệp công lập, trực thuộc Sở Giáo dục – Đào tạo tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, được thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ Trung tâm Giáo dục thường xuyên huyện Long Đất vào năm 2005. Ngày 09/10/2012, Phạm Ngọc T được bổ nhiệm làm Giám đốc Trung tâm; Lê Thanh H được bổ nhiệm làm Phó Giám đốc Trung tâm vào ngày 06/9/2016; Trung tâm có khoảng hơn 20 biên chế là viên chức và người lao động, trong đó: Nguyễn Đình K (Nhân viên Văn phòng), Nguyễn Huỳnh Q (Giáo viên môn Tin học), Ngô Minh K¹ (Giáo viên môn Địa lý) và Nguyễn Hồng T¹ (Giáo viên môn Vật lý).

Trung tâm được tổ chức và hoạt động dựa trên Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Giáo dục thường xuyên, ban hành kèm theo Quyết định số 01/2007/QĐ-BGDĐT ngày 02/01/2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Sau đây viết tắt là Quy chế số 01/2007). Cụ thể một số điều khoản như sau:

- Khoản 1 Điều 3 quy định: Trung tâm có nhiệm vụ tổ chức các chương trình giáo dục, trong đó có nhiệm vụ tổ chức “Chương trình giáo dục thường xuyên cấp Trung học cơ sở và Trung học phổ thông”; Theo Quy chế này thì

Trung tâm phải “Xác định nội dung học tập, đề xuất với Sở Giáo dục và Đào tạo, chính quyền địa phương việc tổ chức các chương trình và hình thức học phù hợp với từng loại đối tượng”.

- Điều 17 quy định hình thức học tập bao gồm: Vừa làm vừa học, học từ xa, tự học có hướng dẫn.

- Điều 18 quy định: Học viên học tập theo hình thức vừa làm vừa học được tổ chức theo lớp học. Mỗi lớp học có một giáo viên Chủ nhiệm, có lớp Trưởng, một hoặc hai lớp Phó. Lớp Trưởng và lớp Phó do tập thể lớp bầu ra.

- Tại các điểm d, đ, e, g khoản 1 Điều 20 quy định về sổ sách quản lý lớp học và học viên: Khi tổ chức giảng dạy và cấp phát văn bằng cho học viên thì Trung tâm phải lập các sổ, gồm: Sổ gọi tên và ghi điểm, Sổ ghi đầu bài, Học bạ của học viên, Sổ theo dõi cấp phát văn bằng, chứng chỉ.

- Điều 21 quy định: Kết thúc chương trình giáo dục, Trung tâm có trách nhiệm thực hiện việc kiểm tra, đánh giá, xếp loại kết quả học tập đối với học viên theo quy định sau:

- + Trung tâm có trách nhiệm tổ chức kiểm tra, đánh giá, xếp loại kết quả học tập và hạnh kiểm đối với học viên theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- + Học viên học tại Trung tâm theo các chương trình học khác nhau, khi học hết chương trình được kiểm tra, đánh giá, xếp loại theo quy định sau: ... Học viên học hết chương trình giáo dục thường xuyên cấp Trung học cơ sở có đủ điều kiện theo quy định của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo thì được Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh cấp bằng tốt nghiệp Trung học cơ sở. Học viên học hết chương trình giáo dục thường xuyên cấp Trung học phổ thông có đủ điều kiện theo quy định của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo thì được dự thi và nếu đạt yêu cầu thì được Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cấp bằng tốt nghiệp Trung học phổ thông.

Sau khi tổ chức kiểm tra, đánh giá, xếp loại kết quả học tập và hạnh kiểm đối với học viên, Trung tâm phải thực hiện các quy định về xét công nhận tốt nghiệp được quy định tại Quy chế xét công nhận tốt nghiệp Trung học cơ sở, ban hành kèm theo Quyết định số 11/2006/QĐ-BGD&ĐT ngày 05/4/2006 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (sau đây viết tắt là Quy chế số 11/2006), bao gồm: Điều kiện dự xét và công nhận tốt nghiệp; Tổ chức xét công nhận tốt nghiệp; Trách nhiệm của cơ quan quản lý và cơ sở giáo dục trong việc xét công nhận tốt nghiệp.

Mặc dù đã có quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cũng đã có văn bản hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học đối với loại hình giáo dục thường xuyên, Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Long Điền cũng đã có hướng dẫn xét công nhận tốt nghiệp Trung học cơ sở, nhưng khi tuyển sinh lần thứ Nhất, năm học 2015-2016 để mở các lớp theo hình thức vừa làm vừa học, trình độ Trung học cơ sở cho đối tượng là cá nhân đang làm việc tại các khu phố, khu dân cư, dân quân tự vệ... nhằm đủ điều kiện phát triển Đảng, Trung tâm đã mở 02 lớp 9, với tổng số 97 người, nhưng không có hồ sơ chuyển đến để xác định trình độ đầu vào, không có chương trình giảng dạy, không báo cáo với Sở Giáo dục và Đào tạo theo quy định. Khi tiến hành giảng dạy, thấy học viên không tham gia học, thì Phạm Ngọc T giao cho Lê Thanh H chịu trách nhiệm hợp thức hóa Sổ gọi tên và ghi điểm; lập Học bạ giáo dục thường xuyên của học viên trong đó ghi đủ các năm học của các lớp 6, 7, 8 và 9; Yêu cầu giáo viên Chủ nhiệm và giáo viên bộ môn ký xác nhận trên Sổ gọi tên và ghi điểm, Sổ học bạ; Cập nhật danh sách học viên trên Mạng Giáo dục Việt Nam (VnEdu), nhằm hoàn thành các thủ tục, điều kiện để xét công nhận tốt nghiệp cho các học viên.

Để được cấp bằng tốt nghiệp cho học viên, Phạm Ngọc T ký văn bản gửi Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Long Điền, đề nghị tham mưu cho Ủy ban nhân dân huyện Long Điền ban hành Quyết định thành lập Hội đồng xét công nhận tốt nghiệp của Trung tâm theo quy định về trình tự, thủ tục xét công nhận tốt nghiệp bậc Trung học cơ sở quy định tại Quy chế số 11/2006 (thành phần Hội đồng do Trung tâm tự lựa chọn và đề nghị). Sau khi có Quyết định về việc thành lập Hội đồng, Phạm Ngọc T đã ban hành Quyết định xét công nhận tốt nghiệp cho các học viên theo danh sách các lớp học đã được làm giả mạo, ký Tờ trình đề nghị Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Long Điền công nhận tốt nghiệp cho 97 học viên theo danh sách và Biên bản xét công nhận tốt nghiệp do Trung tâm lập.

Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, sau khi ban hành quyết định công nhận tốt nghiệp, Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Long Điền tiếp tục có Tờ trình đề nghị Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ra quyết định chuẩn y danh sách những người được công nhận tốt nghiệp Trung học cơ sở trên địa bàn huyện Long Điền và cấp phôi bằng để Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Long Điền in, ký và giao cho các Trường, Trung tâm cấp phát văn bằng cho học sinh, học viên.

Trong tổng số 97 học viên được cấp bằng tốt nghiệp Trung học cơ sở đợt thứ Nhất năm học 2015 – 2016, trong Sổ cấp phát văn bằng, chứng chỉ của Trung tâm thể hiện chỉ có 02 người ký nhận văn bằng.

Sau đó, có nhiều người đến đăng ký học và nhận thấy việc làm các thủ tục để cho những người có nhu cầu được cấp bằng tốt nghiệp Trung học cơ sở khá dễ dàng, nên Phạm Ngọc T, Lê Thanh H, Nguyễn Đình K, Nguyễn Huỳnh Q, Ngô Minh K¹ và Nguyễn Hồng T¹ đã bàn và thống nhất cùng nhau nhận hồ sơ của những người có nhu cầu, nhưng không xây dựng chương trình, kế hoạch dạy học, không phân công giáo viên giảng dạy, không thực hiện việc thi, kiểm tra theo quy định, rồi cùng nhau tạo dựng Sổ gọi tên và ghi điểm, Học bạ Giáo dục thường xuyên của học viên, ký giả chữ ký của các giáo viên bộ môn trong sổ học bạ, cập nhật danh sách học viên trên VNEDU ... nhằm lừa dối cơ quan có thẩm quyền, từ đó xét công nhận tốt nghiệp và đề nghị Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Long Điền cấp bằng cho các học viên này. Vì vậy, trong các năm học từ năm 2015-2016 đến năm học 2018-2019, Trung tâm không có hồ sơ tuyển sinh lớp 6, không có danh sách và số lượng học viên, không báo cáo và được sự phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền, trong sổ chuyển đến hàng năm không có học viên Trung học cơ sở, chỉ có danh sách học viên lớp 9 trong Sổ gọi tên và ghi điểm (Sổ điểm lớn). Mục đích của các bị cáo là nhằm thu tiền của học viên để chia nhau.

Quá trình điều tra, các bị cáo đã khai nhận: Để cho các học viên của Trung tâm được cấp bằng tốt nghiệp Trung học cơ sở mà không cần phải theo học, bắt đầu từ năm học 2016-2017, Phạm Ngọc T, Lê Thanh H, Nguyễn Đình K, Nguyễn Huỳnh Q đã nhận hồ sơ của những người có nhu cầu, gồm các giấy tờ như: Bản sao Giấy khai sinh, bản sao chứng minh nhân dân, ảnh kích thước (4 x 6) cm và thu tiền để chia nhau sử dụng. Sau khi có hồ sơ, T chỉ đạo H cùng K, Q, K¹, T¹ thực hiện các việc như: Tạo lập Sổ gọi tên và ghi điểm bằng cách sao lại danh sách điểm trên Sổ gọi tên và ghi điểm của năm học 2015-2016, khi có danh sách học viên thì điền vào Sổ rồi ký tên với tư cách là giáo viên chủ nhiệm; Lập học bạ Giáo dục thường xuyên của các học viên, trong đó ghi đủ các năm học của các lớp 6, 7, 8 và 9 rồi giao cho H, Q, K¹, T¹ ký với tư cách giáo viên Chủ nhiệm, giáo viên bộ môn và ký giả chữ ký của các giáo viên bộ môn khác, Nguyễn Huỳnh Q lập danh sách học viên trên VnEdu... Sau đó, T hoặc H ký xác nhận với tư cách Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Trung tâm vào Sổ gọi tên và ghi điểm, Sổ học bạ của học viên... để hoàn thành thủ tục tại Trung tâm. Trên cơ sở đó, đề nghị Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Long Điền hoàn thành các thủ tục tiếp theo để cuối cùng, những người nộp hồ sơ đăng ký học bổ túc bậc Trung học cơ sở tại Trung tâm được nhận bằng tốt nghiệp Trung học cơ sở do Phòng Giáo dục huyện Long Điền cấp, mà không cần phải đi học, không tham dự bất kỳ cuộc kiểm tra nào.

Cơ quan điều tra thu thập và xác định số tiền các bị cáo đã thu của học viên và chia nhau như sau:

Năm học 2015-2016: Nhận 235 hồ sơ học sinh nhưng không thu tiền;

Năm học 2016-2017: Thu 200.000 đồng/học viên/khóa x 580 học viên, được 116.000.000 đồng giao cho K quản lý. Sau khi trừ chi phí mua các sổ, còn lại 84.000.000 đồng, T chỉ đạo chia cho H 16.000.000 đồng, chia cho Q, K, K¹, T¹ mỗi người 12.000.000 đồng, riêng T nhận 20.000.000 đồng.

Năm học 2017-2018 và 2018-2019, mức thu 1.500.000 đồng/học viên, ai thu cao hơn thì được hưởng phần vượt, nhưng không quá 2.000.000 đồng/học viên, ai thu được thì tự quản lý tiền hoặc nộp lại cho K quản lý, khi có bằng tốt nghiệp sẽ tổng hợp và chia nhau.

Với phương thức, thủ đoạn như trên, các bị cáo đã làm giả hồ sơ các năm học như sau: Năm học 2015-2016, làm giả 235 hồ sơ học viên; Năm học 2016-2017, làm giả 580 hồ sơ học viên, thu được 116.000.000 đồng; Năm học 2017-2018, 2018-2019 lập danh sách lớp 1.280 học viên (Cơ quan điều tra chỉ thu được 597 Sổ học bạ). Khi nhận hồ sơ học viên, có bị cáo nộp tiền cho K, có bị cáo không nộp, khi bị thanh tra thì các bị cáo trả tiền lại và hủy sổ theo dõi thu tiền học viên, nên Cơ quan điều tra không xác định được chính xác số tiền các bị cáo đã nhận của các học viên. T, H, K và Q chủ động nâng mức thu tiền lên 1.500.000 đồng/học viên và khai nhận đã thu được khoảng 674.000.000 đồng từ khoảng 1.235 hồ sơ học viên.

Thực tế, số bằng tốt nghiệp Trung học cơ sở đã cấp cho các học viên tại Trung tâm là 815 bằng.

Các Kết luận giám định số 10/PC09-Đ2, số 10B/PC09-Đ2 và số 10C/PC09-Đ2 cùng ngày 25/02/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu kết luận:

- Chữ ký mang tên Trương Thị H¹ (cột môn học Lịch sử, trang 6, 8) không phải chữ ký mẫu của Trương Thị H¹, đúng với chữ ký của Nguyễn Huỳnh Q trên tài liệu mẫu;

- Chữ ký mang tên Nguyễn Thị L (cột môn học Ngữ văn, trang 6, 8) không phải chữ ký mẫu của Nguyễn Thị L, đúng với chữ ký của Nguyễn Huỳnh Q trên tài liệu mẫu;

- Chữ ký mang tên Nguyễn Thị T² (cột môn học Sinh học) không phải chữ ký mẫu của Nguyễn Thị T², đúng với chữ ký của Nguyễn Đình K trên tài liệu mẫu;

- Chữ ký mang tên Trần Thị Ngọc T³ (cột môn học Hóa học, trang 6, 8) không phải chữ ký mẫu của Trần Thị Ngọc T³, đúng với chữ ký của Nguyễn Đình K trên tài liệu mẫu;

- Chữ ký mang tên Vương Thị V (cột môn học Toán học) không phải chữ ký mẫu của Vương Thị V, đúng với chữ ký của Lê Thanh H trên tài liệu mẫu;

Các bị cáo khai báo mục đích vụ lợi cá nhân như sau:

- Phạm Ngọc T khai đã trực tiếp nhận 7 – 8 hồ sơ từ ông Phong (không rõ lai lịch), thu 14.000.000 đồng và được chia năm 2016 là 20.000.000 đồng, tổng cộng 34.000.000 đồng sử dụng riêng cho cá nhân.

- Lê Thanh H khai năm học 2016-2017 và năm học 2017-2018 đã trực tiếp nhận 30 hồ sơ, kèm 6.000.000 đồng từ ông Đặng Ngọc Thái (đã chết), Hải đã giao 6.000.000 đồng cho K quản lý và nhận của Nguyễn Thanh Hoàng (Chuyên viên Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Long Điền) 42 hồ sơ và 63.000.000 đồng, do không có bằng tốt nghiệp nên đã trả lại 35.000.000 đồng, còn lại 28.000.000 đồng đã sử dụng cá nhân; Ngoài ra còn nhận khoảng 60 hồ sơ, có ghi số điện thoại và số tiền từng người nộp tạm ứng, nhưng do bị thanh tra nên H đã hoàn trả tạm ứng và hủy sổ theo dõi, nên không xác định được danh tính, địa chỉ và số tiền đã thu của học viên. Như vậy, H thu lợi bất chính 44.000.000 đồng (28.000.000 đồng và được chia 16.000.000 đồng).

- Nguyễn Đình K ký giả chữ ký giáo viên Chủ nhiệm, giáo viên bộ môn, trực tiếp nhận 186 hồ sơ với số tiền khoảng 178.000.000 đồng, đã nộp lại cho khoản thu chung 5.600.000 đồng, trả lại cho Trần Hữu Tài (người nộp hồ sơ cho các học viên) 136.000.000 đồng, còn lại 36.400.000 đồng sử dụng cá nhân. Tổng cộng K đã thu lợi bất chính 48.400.000 đồng (36.400.000 đồng và được chia 12.000.000 đồng).

- Nguyễn Huỳnh Q được chia năm học 2016-2017 là 12.000.000 đồng; Các năm sau đó nhận khoảng 297 hồ sơ và thu tạm ứng 1.000.000 đồng/hồ sơ, có ghi số điện thoại và số tiền từng người nộp tạm ứng, nhưng do bị thanh tra nên Q đã hoàn trả tạm ứng và hủy sổ theo dõi, nên không xác định được danh tính, địa chỉ và số tiền đã thu của học viên. Như vậy, Q thu lợi bất chính 12.000.000 đồng.

- Ngô Minh K¹ không thu hồ sơ nhưng có tham gia làm giả Sổ gọi tên và ghi điểm, Sổ học bạ, ký xác nhận với tư cách giáo viên Chủ nhiệm, giáo viên bộ môn. Năm học 2016-2017 được chia số tiền 12.000.000 đồng.

- Nguyễn Hồng T¹ không thu hồ sơ nhưng có tham gia làm giả Sổ gọi tên và ghi điểm, Sổ học bạ, ký xác nhận với tư cách giáo viên bộ môn Vật lý. Năm học 2016-2017 được K đưa cho số tiền 12.000.000 đồng.

Cơ quan điều tra thu giữ 36 Sổ gọi tên và ghi điểm, 597 học bạ, 16 bằng tốt nghiệp Trung học cơ sở (gồm 06 bản chính và 10 bản sao).

Trong quá trình điều tra, Lê Thanh H đã nộp lại 125.000.000 đồng (gồm 97.000.000 đồng + 28.000.000 đồng); Nguyễn Đình K nộp 36.400.000 đồng.

Tại Bản cáo trạng số 101/CT-VKS-P1 ngày 19/11/2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã truy tố các bị cáo: Phạm Ngọc T, Lê Thanh H, Nguyễn Đình K, Nguyễn Huỳnh Q, Ngô Minh K¹, Nguyễn Hồng T¹ về tội “*Giả mạo trong công tác*” theo điểm a khoản 4 Điều 359 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã ra Quyết định số 17/2021/HSST-QĐ ngày 21/10/2021 trả hồ sơ để điều tra bổ sung 05 vấn đề và kiến nghị truy tố Trần Hữu Tài, nhưng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu có Công văn số 857/VKS-P1 ngày 25/11/2021 giữ nguyên Bản cáo trạng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 37/2022/HS-ST ngày 23/5/2022 và Thông báo số 09/TB-THS ngày 28/6/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo: Phạm Ngọc T, Lê Thanh H, Nguyễn Đình K, Nguyễn Huỳnh Q, Ngô Minh K¹, Nguyễn Hồng T¹ phạm tội “*Giả mạo trong công tác*”;

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 359; điểm s, v, x khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54, Điều 17, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Tuyên phạt bị cáo Phạm Ngọc T 10 (mười) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án nhưng được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 01/11/2019 đến ngày 01/02/2021.

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 359; điểm s, v khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54, Điều 17, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Tuyên phạt bị cáo Lê Thanh H 08 (tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án nhưng được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 01/11/2019 đến ngày 01/02/2021.

Tuyên phạt bị cáo Nguyễn Đình K 07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án nhưng được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 01/11/2019 đến ngày 24/6/2020.

Tuyên phạt bị cáo Nguyễn Huỳnh Q 07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án nhưng được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 01/11/2019 đến ngày 24/6/2020.

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 359; điểm s, v khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 2 Điều 54, Điều 17, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Tuyên phạt bị cáo Ngô Minh K¹ 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án nhưng được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 01/11/2019 đến ngày 24/6/2020.

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 359; điểm s, v, x khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 2 Điều 54, Điều 17, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Tuyên phạt bị cáo Nguyễn Hồng T¹ 04 (bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án nhưng được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 01/11/2019 đến ngày 24/6/2022.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về biện pháp tư pháp; về xử lý vật chứng; về án phí hình sự sơ thẩm; về kiến nghị khởi tố đối với Trần Hữu Tài và dành quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Trong các ngày 30/5/2022, 31/5/2022, 01/6/2022, ngày 02/6/2022 và ngày 06/6/2022, các bị cáo: Phạm Ngọc T, Lê Thanh H, Nguyễn Đình K, Nguyễn Huỳnh Q, Ngô Minh K¹, Nguyễn Hồng T¹ đều kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

Bị cáo Phạm Ngọc T giữ nguyên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt vì bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nộp lại toàn bộ tiền thu lợi bất chính, bị cáo có quá trình nhân thân tốt, bản thân bị cáo mắc nhiều bệnh, bị tai biến mạch máu não 02 lần vào Bệnh viện 115 điều trị, đã cống hiến 31 năm, có nhiều bằng khen của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục - Đào tạo, bằng khen của Chủ tịch tỉnh và nhiều bằng khen, giấy khen khác, có cha là người có công với nước, mẹ đã 91 tuổi bị bệnh ung thư, không tự chăm sóc được bản thân.

Bị cáo Lê Thanh H giữ nguyên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt vì bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nộp lại toàn bộ tiền thu lợi bất chính, bị cáo có quá trình nhân thân tốt, bản thân bị cáo đã cống hiến nhiều năm, có nhiều bằng khen và nhiều giấy khen khác, vợ bị cáo mắc nhiều bệnh cần có người chăm sóc nhưng vợ chồng bị cáo lại không có con, nên cần có người chăm sóc.

Bị cáo Nguyễn Đình K giữ nguyên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt vì bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nộp lại toàn bộ tiền thu lợi bất chính, bị cáo có quá trình nhân thân tốt, bản thân bị cáo mắc nhiều bệnh đang điều trị tại bệnh viện, đã cống hiến 31 năm, có nhiều bằng khen, giấy khen; cô

ruột là Bà mẹ Việt Nam anh hùng; hoàn cảnh gia đình đơn chiếc, vợ bị bệnh ung thư nhiều năm, không tự chăm sóc được bản thân; đồng thời, bị cáo phạm tội là do bị lệ thuộc Lãnh đạo.

Bị cáo Nguyễn Huỳnh Q giữ nguyên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt vì bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nộp lại toàn bộ tiền thu lợi bất chính, bị cáo có quá trình nhân thân tốt, đã cống hiến nhiều năm, có nhiều bằng khen, giấy khen, có cha và mẹ đã trên 80 tuổi bị bệnh ung thư, 02 con còn quá nhỏ.

Bị cáo Ngô Minh K¹ giữ nguyên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt vì bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nộp lại toàn bộ tiền thu lợi bất chính, bị cáo có quá trình nhân thân tốt, đã cống hiến nhiều năm, có nhiều bằng khen, giấy khen, vợ bị cáo sức khỏe yếu, con nhỏ, bị cáo là lao động chính trong gia đình. Bị cáo phạm tội là do làm theo sự chỉ đạo của Lãnh đạo và không biết hậu quả lớn như thế này. Khi nhận tiền thì bị cáo chỉ nghĩ đó là tiền làm việc ngoài giờ, không biết đó là tiền bất chính.

Bị cáo Nguyễn Hồng T¹ giữ nguyên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt vì bị cáo phạm tội là do làm theo sự chỉ đạo của Lãnh đạo và không biết hậu quả lớn như thế này. Khi nhận tiền thì bị cáo chỉ nghĩ đó là tiền làm việc ngoài giờ, không biết đó là tiền bất chính, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nộp lại toàn bộ tiền thu lợi bất chính, bị cáo có quá trình nhân thân tốt, đã cống hiến nhiều năm, có nhiều bằng khen, giấy khen, con còn nhỏ mới sinh.

Luật sư Nguyễn Thanh Bảo Duy đề nghị xem xét bị cáo Phạm Ngọc T có nhiều tình tiết giảm nhẹ như bị cáo đã trình bày. Bị cáo phạm tội nhưng có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nên đề nghị xử phạt bị cáo T mức thấp nhất của khung hình phạt liền kề nhẹ hơn là 07 năm tù. Bị cáo Nguyễn Huỳnh Q có nhiều tình tiết giảm nhẹ như bị cáo đã trình bày, bị cáo không nhận thức đúng mức độ nguy hiểm của hành vi và chỉ là đồng phạm giúp sức, nên đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 54 Bộ luật hình sự để quyết định hình phạt cho bị cáo Q.

Luật sư Hồ Quang Tân Phong đề nghị xem xét bị cáo Nguyễn Đình K có nhiều tình tiết giảm nhẹ như bị cáo đã trình bày. Gia đình bị cáo có truyền thống cách mạng, bị cáo đã cống hiến cả tuổi thanh xuân cho ngành giáo dục, có nhiều thành tích, có 16 loại bằng khen, giấy khen, hoàn cảnh neo đơn, vợ bệnh ung thư nhiều năm, bản thân bị cáo cao tuổi, mắc nhiều bệnh đang điều trị phải tái khám nhiều lần, đề nghị khoan hồng cho bị cáo K. Bị cáo Lê Thanh H phạm tội do lệ thuộc cấp trên, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ như bị cáo đã trình bày, hoàn cảnh khó khăn, bị cáo có nhiều thành tích, nhiều bằng khen, giấy khen, đề nghị chấp nhận kháng cáo của bị cáo H.

Luật sư Đoàn Trọng Nghĩa đề nghị xem xét bị cáo Ngô Minh K¹ và bị cáo Nguyễn Hồng T¹ đều chỉ là đồng phạm giúp sức có vai trò không đáng kể, cả hai bị cáo không nhận hồ sơ học viên, khi nhận tiền thì không biết đó là tiền bắt chính, có nhiều tình tiết giảm nhẹ mà các bị cáo đã trình bày, cả hai đang là giáo viên, rất cần để phục vụ xã hội, tuổi đời còn trẻ, nên đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho hai bị cáo.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng hình sự; Các đơn kháng cáo đều hợp lệ, đủ điều kiện giải quyết phúc thẩm; Bản án sơ thẩm tuyên bố các bị cáo: Phạm Ngọc T, Lê Thanh H, Nguyễn Đình K, Nguyễn Huỳnh Q, Ngô Minh K¹, Nguyễn Hồng T¹ phạm tội “*Giả mạo trong công tác*”, quy định tại điểm a khoản 4 Điều 359 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, là đúng người, đúng tội và đã xử phạt mức hình phạt tương xứng. Tại phiên tòa phúc thẩm không có tình tiết giảm nhẹ mới nên đề nghị bác kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ NHẬN ĐỊNH:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của các bị cáo: Phạm Ngọc T, Lê Thanh H, Nguyễn Đình K, Nguyễn Huỳnh Q, Ngô Minh K¹, Nguyễn Hồng T¹ đều đảm bảo hình thức, thời hạn, đủ điều kiện giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Phiên tòa đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ ba, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 351 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của luật sư Trần Kim Hoàng xin hoãn phiên tòa để nghiên cứu hồ sơ. Mặt khác, bào chữa cho bị cáo Nguyễn Đình K đã có luật sư Hồ Quang Tân Phong và bị cáo K cũng đồng ý xét xử vắng mặt luật sư Hoàng.

Trong thời gian chuẩn bị xét xử phúc thẩm, bà Bùi Thị Vân nộp đơn ghi ngày 29/11/2022, yêu cầu giám định pháp y về tâm thần đối với chồng của bà là bị cáo Nguyễn Đình K. Xét thấy trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị cáo Nguyễn Đình K trả lời rành mạch, đúng trọng tâm tất cả các câu hỏi, nên không có nghi ngờ về sức khỏe tâm thần của bị cáo. Vì vậy, căn cứ vào Điều 206 và Điều 207 Bộ luật tố tụng hình sự, không có căn cứ để chấp nhận đơn yêu cầu của bà Bùi Thị Vân.

[2] Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, phù hợp với lời khai của những người làm chứng, phù hợp với Biên bản thu giữ vật chứng, Kết luận giám định chữ viết chữ ký, cùng các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ

để xác định: Từ năm 2015 đến năm 2019, các bị cáo: Phạm Ngọc T, Lê Thanh H, Nguyễn Đình K, Nguyễn Huỳnh Q, Ngô Minh K¹, Nguyễn Hồng T¹ đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn để làm giả các tài liệu, từ đó đề nghị Cơ quan có thẩm quyền cấp 97 bằng tốt nghiệp phổ thông Trung học cơ sở của năm học 2015-2016 cho các cá nhân không phải đi học, không phải làm bài thi, bài kiểm tra, để thu tiền chia nhau; đồng thời, các bị cáo còn tiếp tục thu tiền, lập hồ sơ học viên của các năm học từ năm 2016 đến năm 2019 để đề nghị cấp bằng tốt nghiệp như trên, nhưng do các bị cáo đã tiêu hủy các sổ theo dõi và trả lại tiền cho người nộp tiền, nên Cơ quan điều tra không thể xác định được cụ thể số lượng bằng cấp đã cấp sai quy định trong thời gian này. Do đó, Bản án sơ thẩm đã tuyên bố các bị cáo: Phạm Ngọc T, Lê Thanh H, Nguyễn Đình K, Nguyễn Huỳnh Q, Ngô Minh K¹, Nguyễn Hồng T¹ phạm tội “*Giả mạo trong công tác*”, quy định tại điểm a khoản 4 Điều 359 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là đúng người, đúng tội.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của cơ sở giáo dục, làm giảm uy tín của ngành giáo dục, gây nên sự bất bình trong xã hội, nên cần phải xử phạt nghiêm mới đảm bảo tác dụng giáo dục riêng và răn đe phòng ngừa chung.

[3.1] Bị cáo Phạm Ngọc T là người có chức vụ cao nhất tại Trung tâm, bị cáo là người chủ mưu, vạch ra các phương thức, thủ đoạn cho các bị cáo khác cùng tham gia thực hiện tội phạm; đồng thời bị cáo cũng là người trực tiếp thực hiện tội phạm, thu lợi bất chính 34.000.000 đồng, nên bị cáo có vai trò cao nhất. Bản án sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo, đó là: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã nộp số tiền thu lợi bất chính, bản thân bị cáo có quá trình nhân thân tốt, có nhiều thành tích xuất sắc trong công tác, cha của bị cáo là người có công với cách mạng và đã xử phạt bị cáo 10 năm tù, dưới mức thấp nhất của khung hình phạt quy định phạt tù từ 12 năm đến 20 năm. Các tình tiết giảm nhẹ bị cáo đưa ra tại phiên tòa phúc thẩm để xin giảm nhẹ hình phạt đều đã được cấp sơ thẩm xem xét, nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo và lời bào chữa của luật sư.

[3.2] Bị cáo Lê Thanh H vừa là người hướng dẫn các bị cáo dưới quyền thực hiện tội phạm, vừa là người thực hiện việc làm giả các tài liệu, hồ sơ và nhận tiền, thu lợi bất chính 44.000.000 đồng, vai trò của bị cáo chỉ đứng sau bị cáo T. Bản án sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo, đó là: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã nộp số tiền thu lợi bất chính, bị cáo có quá trình nhân thân tốt, có nhiều thành tích xuất sắc trong công tác và đã xử phạt bị cáo 08 năm tù, là mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt quy định phạt tù từ 12 năm đến 20 năm. Tại phiên tòa phúc thẩm không có tình

tiết giảm nhẹ mới, nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo và lời bào chữa của luật sư.

[3.3] Bị cáo Nguyễn Đình K và bị cáo Nguyễn Huỳnh Q đều đã thực hiện theo chỉ đạo của bị cáo T, bị cáo H. Cả hai bị cáo đã thu hồ sơ, trực tiếp làm giả, ký giả chữ ký vào Sổ gọi tên và ghi điểm, Sổ học bạ giả, nên cả hai bị cáo đều phạm tội với vai trò tích cực; bị cáo K đã thu lợi bất chính 48.400.000 đồng, bị cáo Q thu lợi bất chính 12.000.000 đồng. Bản án sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ cho hai bị cáo, đó là: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã nộp số tiền thu lợi bất chính, có quá trình nhân thân tốt, có nhiều thành tích xuất sắc trong công tác và đã xử phạt mỗi bị cáo 07 năm tù, là mức hình phạt thấp nhất của khung hình phạt liền kề nhẹ hơn. Tại phiên tòa phúc thẩm không có tình tiết giảm nhẹ mới, nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của cả hai bị cáo và lời bào chữa của luật sư.

[3.4] Bị cáo Ngô Minh K¹ và bị cáo Nguyễn Hồng T¹ tuy không nhận hồ sơ học viên, nhưng cả hai bị cáo đều có hành vi ký tên vào Sổ gọi tên và ghi điểm, sổ học bạ giả và mỗi bị cáo được chia 12.000.000 đồng, hai bị cáo phạm tội với vai trò có phần hạn chế hơn các bị cáo khác trong vụ án. Bản án sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ cho hai bị cáo, đó là: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã nộp số tiền thu lợi bất chính, có quá trình nhân thân tốt, có nhiều thành tích xuất sắc trong công tác, bị cáo T¹ có mẹ là người có công với cách mạng và đã xử phạt bị cáo K¹ 05 năm tù, bị cáo T¹ 04 năm tù là mức hình phạt nhẹ hơn mức hình phạt của khung hình phạt liền kề nhẹ hơn. Tại phiên tòa phúc thẩm không có tình tiết giảm nhẹ mới, nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của hai bị cáo và lời bào chữa của luật sư.

[3.5] Các tình tiết do các bị cáo đưa ra tại phiên tòa phúc thẩm như: Hoàn cảnh khó khăn, mẹ già, vợ bệnh, con còn nhỏ, bản thân đang bị bệnh... là các điều kiện để xin hoãn thi hành án, không phải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nên không có căn cứ để giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

[4] Do không được chấp nhận kháng cáo nên các bị cáo có kháng cáo đều phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về biện pháp tư pháp; về xử lý vật chứng; về án phí hình sự sơ thẩm; về kiến nghị khởi tố đối với Trần Hữu Tài, không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Ngoài ra, trong vụ án này các bị cáo đã câu kết với nhau thực hiện hành vi phạm tội trong thời gian dài qua nhiều năm, nhưng Bản án sơ thẩm nhận định chỉ là đồng phạm giản đơn là không phù hợp; đồng thời mức hình phạt mà Bản án sơ thẩm đã quyết định đối với các bị cáo là chưa tương xứng, nhưng do

không có kháng cáo, kháng nghị theo hướng bất lợi cho các bị cáo, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm kiến nghị Tòa án nhân dân tối cao xem xét hủy toàn bộ Bản án này và hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm để xét xử lại sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo: Phạm Ngọc T, Lê Thanh H, Nguyễn Đình K, Nguyễn Huỳnh Q, Ngô Minh K¹, Nguyễn Hồng T¹; Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 37/2022/HS-ST ngày 23/5/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về hình phạt đối với các bị cáo.

2. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 359; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, đối với các bị cáo: Phạm Ngọc T, Lê Thanh H, Nguyễn Đình K, Nguyễn Huỳnh Q, Ngô Minh K¹, Nguyễn Hồng T¹; Áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo: Phạm Ngọc T, Lê Thanh H, Nguyễn Đình K, Nguyễn Huỳnh Q; Áp dụng khoản 2 Điều 54 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Ngô Minh K¹, bị cáo Nguyễn Hồng T¹ và áp dụng thêm điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Phạm Ngọc T và bị cáo Nguyễn Hồng T¹;

Tuyên bố các các bị cáo: Phạm Ngọc T, Lê Thanh H, Nguyễn Đình K, Nguyễn Huỳnh Q, Ngô Minh K¹, Nguyễn Hồng T¹ phạm tội “*Giả mạo trong công tác*”;

2.1. Xử phạt bị cáo Phạm Ngọc T 10 (*mười*) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án nhưng được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 01/11/2019 đến ngày 01/02/2021.

2.2. Xử phạt bị cáo Lê Thanh H 08 (*tám*) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án nhưng được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 01/11/2019 đến ngày 01/02/2021.

2.3. Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình K 07 (*bảy*) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án nhưng được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 01/11/2019 đến ngày 24/6/2020.

2.4. Xử phạt bị cáo Nguyễn Huỳnh Q 07 (*bảy*) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án nhưng được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 01/11/2019 đến ngày 24/6/2020.

2.5. Xử phạt bị cáo Ngô Minh K¹ 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án nhưng được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 01/11/2019 đến ngày 24/6/2020.

2.6. Xử phạt bị cáo Nguyễn Hồng T¹ 04 (bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án nhưng được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 01/11/2019 đến ngày 24/6/2022.

3. Mỗi bị cáo: Phạm Ngọc T, Lê Thanh H, Nguyễn Đình K, Nguyễn Huỳnh Q, Ngô Minh K¹, Nguyễn Hồng T¹ đều phải chịu án phí hình sự phúc thẩm là 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng)/bị cáo.

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về biện pháp tư pháp; về xử lý vật chứng; về án phí hình sự sơ thẩm; về kiến nghị khởi tố đối với Trần Hữu Tài, không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- Tòa án nhân dân tỉnh BRVT;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh BRVT;
- Công an tỉnh BRVT;
- Các Sở Tư pháp tỉnh BRVT, Nghệ An, Đồng Nai;
- Cục THADS tỉnh BRVT;
- Trại tạm giam Công an tỉnh BRVT;
- Bị cáo tại ngoại;
- Lưu: HS, VP, NTHN (29b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Công